

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1,476,767,675,616</b>	<b>1,483,232,225,803</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>11,587,311,407</b>	<b>46,397,315,140</b>
1. Tiền	111		11,587,311,407	46,397,315,140
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>130,253,096,039</b>	<b>38,907,661,978</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	130,253,096,039	38,907,661,978
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>633,986,183,917</b>	<b>581,893,491,741</b>
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	592,216,611,748	545,440,895,746
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	36,392,688,985	26,351,448,769
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	6,878,878,872	11,603,142,914
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.6	(1,501,995,688)	(1,501,995,688)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>645,846,560,580</b>	<b>756,593,993,234</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.7	688,325,917,981	813,773,350,635
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.8	(42,479,357,401)	(57,179,357,401)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>55,094,523,673</b>	<b>59,439,763,710</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	707,871,654	819,957,655
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		24,915,467,977	36,469,158,047
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.22	6,066,827,323	127,746,901
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10	23,404,356,719	22,022,901,107



**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>697,158,609,445</b>	<b>683,078,673,280</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>430,030,671,312</b>	<b>440,161,706,386</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	322,456,598,182	339,477,637,122
<i>Nguyên giá</i>	222		700,231,465,986	695,100,156,264
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(377,774,867,804)	(355,622,519,142)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	50,012,476,445	50,076,757,445
<i>Nguyên giá</i>	228		51,787,172,240	51,787,172,240
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1,774,695,795)	(1,710,414,795)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.13	57,561,596,685	50,607,311,819
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>220,284,787,602</b>	<b>195,874,499,459</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.14	245,756,533,184	228,232,041,558
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.15	5,914,224,953	7,697,000,726
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.16	(31,385,970,535)	(40,054,542,825)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>46,843,150,531</b>	<b>47,042,467,435</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.17	45,639,688,906	45,839,005,810
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.18	1,203,461,625	1,203,461,625
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>2,173,926,285,061</b>	<b>2,166,310,899,083</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>824,487,690,626</b>	<b>832,903,438,271</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>824,487,690,626</b>	<b>832,903,438,271</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.19	346,759,078,740	253,422,846,926
2. Phải trả người bán	312	V.20	160,765,580,643	242,796,038,230
3. Người mua trả tiền trước	313	V.21	71,464,571,216	5,533,629,938
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.22	49,447,584	9,806,399,100
5. Phải trả người lao động	315	V.23	38,033,213,304	48,670,480,531
6. Chi phí phải trả	316	V.24	5,189,310,637	5,038,511,051
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.25	106,343,460,605	164,071,969,454
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	V.26	43,100,000,000	43,100,000,000
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.27	52,783,027,897	60,463,563,041
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	-
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1,349,438,594,435</b>	<b>1,333,407,460,812</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>1,349,438,594,435</b>	<b>1,333,407,460,812</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.28	614,049,130,000	614,049,130,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.28	190,492,000,000	190,492,000,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414	V.28	(36,897,215,355)	(36,897,215,355)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.28	581,794,679,790	565,763,546,167
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>2,173,926,285,061</b>	<b>2,166,310,899,083</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

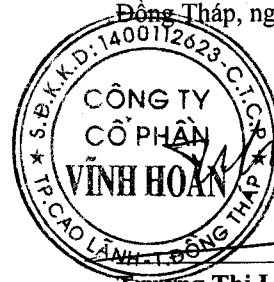
**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

### CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		292,751.09	1,722,175.75
Euro (EUR)		256.05	273.78
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Đồng Tháp, ngày 07 tháng 05 năm 2014

Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung  
Kế toán trưởng



Trương Thị Lệ Khanh  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

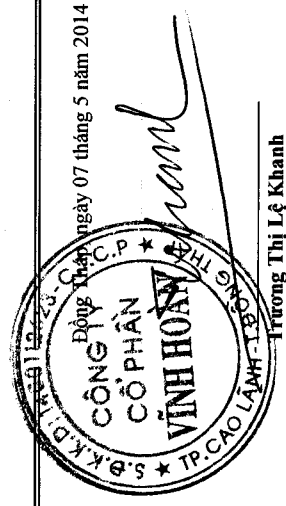
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Quý 1 Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số	QUÝ 1/2014			LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM		
		NĂM 2014	NĂM 2013	NĂM 2014	NĂM 2014	NĂM 2013	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	911,989,569,564	1,096,597,003,988	911,989,569,564	1,096,597,003,988		
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	1,415,657,891	3,954,166,365	1,415,657,891	3,954,166,365		
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	910,573,911,673	1,092,642,837,623	910,573,911,673	1,092,642,837,623		
4. Giá vốn hàng bán	11	840,249,417,041	982,079,217,355	840,249,417,041	982,079,217,355		
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	70,324,494,632	110,563,620,268	70,324,494,632	110,563,620,268		
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	13,225,019,084	24,147,501,820	13,225,019,084	24,147,501,820		
7. Chi phí tài chính	22	4,327,812,323	13,109,334,108	4,327,812,323	13,109,334,108		
Trong đó: chi phí lãi vay	23	4,327,812,323	12,419,224,922	4,327,812,323	12,419,224,922		
8. Chi phí bán hàng	24	46,969,146,224	53,660,674,451	46,969,146,224	53,660,674,451		
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	11,144,273,533	10,440,059,347	11,144,273,533	10,440,059,347		
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	21,108,281,636	57,501,054,182	21,108,281,636	57,501,054,182		
11. Thu nhập khác	31	870,341,997	113,472,000	870,341,997	113,472,000		
12. Chi phí khác	32	1,053,232,304	409,960,616	1,053,232,304	409,960,616		
13. Lợi nhuận khác	40	(182,890,307)	(296,488,616)	(182,890,307)	(296,488,616)		
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	20,925,391,329	57,204,565,566	20,925,391,329	57,204,565,566		
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	4,894,257,706	11,440,913,113	4,894,257,706	11,440,913,113		
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	-	-	-	-		
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	16,031,133,623	45,763,652,453	16,031,133,623	45,763,652,453		
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9					



Đồng Tháp, ngày 07 tháng 5 năm 2014

**Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung**  
**Kế toán trưởng**

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 1 Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		20,925,391,329	57,204,565,566
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.11,V.12	22,216,629,662	18,154,676,521
- Các khoản dự phòng	03	V.6,V.8,V.16	(23,368,572,290)	(6,934,452,979)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3,VI.7,VI.8	(1,712,117,777)	(21,317,800,855)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	4,327,812,323	12,419,224,922
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		22,389,143,247	59,526,213,175
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(46,430,211,349)	(103,261,965,632)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		125,447,432,654	110,844,611,336
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(76,628,355,098)	(9,016,464,063)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		311,402,905	(701,251,211)
- Tiền lãi vay đã trả	13	VI.4,V.24	(4,327,812,323)	(12,667,872,333)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.22	(20,075,664,655)	(20,353,496,701)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		143,852,000	143,852,000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(8,152,700,144)	(4,838,805,500)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(7,322,912,763)</b>	<b>19,674,821,233</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.11,V.12,V.13,VII	(16,189,484,163)	(23,616,703,125)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	392,615,000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(115,500,000,000)	(105,552,930,167)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		24,154,565,939	67,226,381,802
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	V.14	(17,524,491,626)	(194,500,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		1,782,775,773	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5,VI.3	2,060,696,293	1,430,300,855
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(120,823,322,784)</b>	<b>(60,707,450,635)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

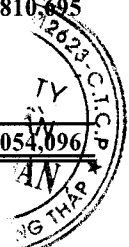
Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.19	468,015,735,487	1,238,818,633,951
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.19	(374,679,503,673)	(1,218,674,761,148)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>93,336,231,814</b>	<b>20,143,872,803</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(34,810,003,733)</b>	<b>(20,888,756,599)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>46,397,315,140</b>	<b>27,875,810,695</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>11,587,311,407</b>	<b>6,987,054,096</b>



Đồng Tháp, ngày 07 tháng 5 năm 2014

*Handwritten signature*

Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung  
Kế toán trưởng



*Handwritten signature*  
Trương Thị Lệ Khanh  
Tổng Giám đốc

# **CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

---

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Quý 1 Năm 2014**

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến, thương mại, dịch vụ.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Nuôi trồng thủy sản nội địa; Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; Mua bán thủy hải sản; Mua bán máy móc thiết bị, hóa chất, nông sản thực phẩm, súc sản, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, chế biến thủy hải sản, chế biến thức ăn thủy hải sản; Sản xuất và mua bán thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản, thuốc thú y thủy sản.

### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

1. **Năm tài chính**  
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

1. **Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**  
Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**  
Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**  
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

1. **Cơ sở lập Báo cáo tài chính**  
Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).



# **CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

### **2. Tiền và tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

### **3. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

### **4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

### **5. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

# CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06

### 6. Tài sản thuê hoạt động

#### *Công ty là bên đi thuê*

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

### 7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

#### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không tính khấu hao, quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời gian giao đất.

#### *Phần mềm máy tính*

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 04 - 05 năm.

### 8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng các ao nuôi cá, mua sắm tài sản cố định và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

### 9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

### 10. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

#### **11. Chi phí trả trước dài hạn**

##### ***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 02 - 06 năm.

##### ***Tiền thuê đất***

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

#### **12. Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

#### **13. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp**

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng  $\frac{1}{2}$  tháng lương bình quân làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 01 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Công ty phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Công ty không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

#### **14. Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và có khả năng phải thanh toán khoản nợ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

#### **15. Nguồn vốn kinh doanh**

##### ***Vốn đầu tư của chủ sở hữu***

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

##### ***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách

# CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thẳng dư vốn cổ phần.

### **Cổ phiếu quỹ**

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chi tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

### **16. Cổ tức**

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

### **17. Trích lập các quỹ**

Quỹ khen thưởng, phúc lợi nhằm mục đích khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người lao động. Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

### **18. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

#### **Thuế thu nhập hiện hành**

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### **Thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

### **19. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ và để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Nhà nước công bố.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2013 : 21.036 VND/USD  
31/03/2014 : 21.036 VND/USD

#### 20. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

##### *Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm*

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều năm kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

##### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng năm.

##### *Cổ tức và lợi nhuận được chia*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

#### 21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.2.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

#### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	2.137.201.153	1.974.318.353
Tiền gửi ngân hàng	9.450.110.254	44.422.996.787
<b>Cộng</b>	<b>11.587.311.407</b>	<b>46.397.315.140</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền gửi có kỳ hạn từ 03 tháng đến dưới 01 năm	240.977.578	240.977.578
Cho Công ty Cổ Phần Vĩnh Hoàn Collagen 5 vay	17.500.000.000	
Cho Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2 vay	112.512.118.461	38.666.684.400
<b>Cộng</b>	<b><u>130.253.096.039</u></b>	<b><u>38.907.661.978</u></b>

#### 3. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khách hàng trong nước	32,483,259,145	23.728.781.887
- Các khách hàng nước ngoài	559,733,352,603	521.712.113.859
<b>Cộng</b>	<b><u>592.216.611.748</u></b>	<b><u>545.440.895.746</u></b>

#### 4. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các nhà cung cấp tài sản cố định (*)	25.227.330.205	23.777.737.898
Các nhà cung cấp nguyên vật liệu	12.165.358.780	2.573.710.871
<b>Cộng</b>	<b><u>36.392.688.985</u></b>	<b><u>26.351.448.769</u></b>

(\*) Trong đó, khoản tiền thanh toán để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại vùng nuôi Vĩnh Hòa và vùng nuôi Hòa Hưng với số tiền lần lượt là 15.664.600.000 VND và 6.781.450.000 VND.

#### 5. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 - phải thu tiền cổ tức		6.995.004.000
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2 - lãi cho vay phải thu	473.171.587	821.750.103
Công ty CP Vĩnh Hoàn Collagen 5	15.416.667	-
Công ty TNHH thực phẩm Vạn Đức - tiền hàng ủy thác xuất khẩu	1.241.018.820	533.043.825
Công ty TNHH 1TV CBTP XK Vạn Đức Tiền Giang - tiền xuất khẩu ủy thác	410.311.600	-
Công ty TNHH một thành viên Tổng Công ty Lương thực miền Nam – tiền hàng ủy thác xuất khẩu	4.049.151.484	3.235.336.800
Phải thu khác	689.808.714	18.008.186
<b>Cộng</b>	<b><u>6.878.878.872</u></b>	<b><u>11.603.142.914</u></b>

#### 6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	1.501.995.688	1.501.995.688
<b>Cộng</b>	<b><u>1.501.995.688</u></b>	<b><u>1.501.995.688</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### 7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng mua đang đi đường	-	11.133.839.418
Nguyên vật liệu	34.403.876.578	63.783.349.502
Công cụ, dụng cụ	2.610.177.735	2.914.268.859
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	444.939.903.219	394.931.301.942
Thành phẩm	206.368.310.519	333.709.391.170
Hàng hóa	3.649.930	7.974.002
Hàng gửi đi bán	-	7.293.225.742
<b>Cộng</b>	<b><u>688.325.917.981</u></b>	<b><u>813.773.350.635</u></b>

#### 8. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá thành phẩm tồn kho.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

Số đầu năm	<u>57.179.357.401</u>
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	<u>(14.700.000.000)</u>
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>42.479.357.401</u></b>

#### 9. Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí công cụ, dụng cụ.

#### 10. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	23.292.250.719	21.653.795.107
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	112.106.000	369.106.000
<b>Cộng</b>	<b><u>23.404.356.719</u></b>	<b><u>22.022.901.107</u></b>

#### 11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	292.997.620.395	387.383.665.180	13.543.749.679	1.175.121.010	695.100.156.264
Mua sắm mới	1.152.728.179	317.619.727	-	-	1.470.347.906
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	4.053.576.816	-	-	-	4.053.576.816
Tài sản được biếu tặng	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	(392.615.000)	-	-	(392.615.000)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>298.203.925.390</u></b>	<b><u>387.308.669.907</u></b>	<b><u>13.543.749.679</u></b>	<b><u>1.175.121.010</u></b>	<b><u>700.231.465.986</u></b>
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	84.895.605.660	263.602.778.249	6.122.763.403	1.001.371.830	355.622.519.142
Khấu hao trong kỳ	8.092.945.204	13.468.201.898	554.503.821	36.697.739	22.152.348.662
Giảm khác (ghi cụ thể) điều chỉnh giảm khấu hao năm 2013	-	(582.226.657)	582.226.657	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>92.988.550.864</u></b>	<b><u>276.488.753.490</u></b>	<b><u>7.259.493.881</u></b>	<b><u>1.038.069.569</u></b>	<b><u>377.774.867.804</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	208.102.014.735	123.780.886.931	7.420.986.276	173.749.180	339.477.637.122
Số cuối kỳ	<u>205.215.374.526</u>	<u>110.819.916.417</u>	<u>6.284.255.798</u>	<u>137.051.441</u>	<u>322.456.598.182</u>

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá 307.229.819.217 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và Ngân hàng phát triển Việt Nam – Chi nhánh khu vực Đồng Tháp – An Giang.

### 12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	51.081.942.450	705.229.790	51.787.172.240
Mua trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	<u>51.081.942.450</u>	<u>705.229.790</u>	<u>51.787.172.240</u>
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	1.136.594.355	573.820.440	1.710.414.795
Khấu hao trong kỳ	52.458.201	11.822.799	64.281.000
Số cuối kỳ	<u>1.189.052.556</u>	<u>585.643.239</u>	<u>1.774.695.795</u>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	49.945.348.095	131.409.350	50.076.757.445
Số cuối kỳ	<u>49.892.889.894</u>	<u>119.586.551</u>	<u>50.012.476.445</u>

Một số tài sản cố định vô hình có nguyên giá 14.067.767.850 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và Ngân hàng phát triển Việt Nam – Chi nhánh khu vực Đồng Tháp – An Giang.

### 13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
Mua sắm TSCĐ	45.602.468.000	-	-	-	45.602.468.000
XDCB dở dang	5.004.843.819	11.007.861.682	(4.053.576.816)	-	11.959.128.685
Chi phí cho các ao nuôi cá	2.513.617.322	5.948.365.882	(4.053.576.816)	-	4.408.406.388
Xây dựng cơ bản dở dang khác	2.491.226.497	5.059.495.800	-	-	7.550.722.297
<b>Cộng</b>	<u>50.607.311.819</u>	<u>11.007.861.682</u>	<u>(4.053.576.816)</u>	<u>-</u>	<u>57.561.596.685</u>



## CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 14. Đầu tư vào công ty con

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 <sup>(i)</sup>	6.995.004	52.500.000.000	6.945.375	52.003.709.506
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ) <sup>(ii)</sup>		8.651.533.184		8.651.533.184
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2 <sup>(iii)</sup>		99.300.000.000		99.300.000.000
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 3 <sup>(iv)</sup>		305.000.000		305.000.000
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen 5 <sup>(v)</sup>	8.500.000	85.000.000.000	6.797.180	67.971.798.868
<b>Cộng</b>		<b>245.756.533.184</b>		<b>228.232.041.558</b>

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5103000070 ngày 04 tháng 4 năm 2008, đăng ký thay đổi lần 04 ngày 3 tháng 9 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp, vốn góp của Công ty vào Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 là 69.950.040.000 VND, tương đương 69,95% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 52.500.000.000 VND.
- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 34473 ngày 19 tháng 01 năm 2007 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi số BUS09-03694 ngày 30 tháng 11 năm 2009 do Bang California, Hoa Kỳ cấp, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ) 100% vốn điều lệ với số tiền là USD 499,912.00.
- (iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1401420853 ngày 27 tháng 7 năm 2011, đăng ký thay đổi lần 06 ngày 30 tháng 9 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2 số tiền 99.300.000.000 VND, tương đương 99,30% vốn điều lệ.
- (iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1401493918 ngày 21 tháng 9 năm 2011, đăng ký thay đổi lần 01 ngày 17 tháng 4 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp, vốn góp của Công ty vào Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 3 là 72.000.000.000 VND, tương đương 90% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 305.000.000 VND. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 3 là 71.695.000.000 VND.
- (v) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1401587429 ngày 02 tháng 12 năm 2011 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 02 ngày 15 tháng 8 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp, vốn góp của Công ty vào Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen 5 là 68.000.000.000 VND, tương đương 85% vốn điều lệ. Công ty đang làm thủ tục tăng vốn lên 100.000.000.000 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 85.000.000.000 VND tương đương 85% vốn điều lệ.

Trong năm 2012 Công ty đã thành lập Công ty con: Công ty TNHH một thành viên Vĩnh Hoàn 4 (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 140171196 ngày 05 tháng 4 năm 2012). Việc góp vốn vào Công ty trên chưa được thực hiện.

### 15. Đầu tư dài hạn khác

Cho vay vốn trong thời hạn 30 tháng.

### 16. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng đầu tư khoản lỗ của các Công ty con.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****17. Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Phân bổ vào chi phí trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Công cụ, dụng cụ và chi phí khác	38.445.648.059	3.528.940.420	(3.199.446.989)	38.775.141.490
Tiền thuê đất	7.393.357.751	-	(528.810.335)	6.864.547.416
<b>Cộng</b>	<b>45.839.005.810</b>	<b>3.528.940.420</b>	<b>(3.728.257.324)</b>	<b>45.639.688.906</b>

**18. Tài sản dài hạn khác**

Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

**19. Vay và nợ ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng phát triển Việt Nam - Chi nhánh khu vực Đồng Tháp – An Giang		3.200.000.000
Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh <sup>(i)</sup>	346.759.078.740	250.222.846.926
<b>Cộng</b>	<b>346.759.078.740</b>	<b>253.422.846.926</b>

<sup>(i)</sup> Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản cố định thuộc phân xưởng 1 và phân xưởng 2.

**Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn:**

Số đầu năm	253.422.846.926
Số tiền vay phát sinh	468.015.735.487
Số tiền vay đã trả	(374.679.503.673)
<b>Số cuối năm</b>	<b>346.759.078.740</b>

**20. Phải trả người bán**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các nhà cung cấp trong nước	1.970.126.580	240.545.188.778
Các nhà cung cấp nước ngoài	158.795.454.063	2.250.849.452
<b>Cộng</b>	<b>160.765.580.643</b>	<b>242.796.038.230</b>

**21. Người mua trả tiền trước**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khách hàng trong nước	69.047.638.736	643.144.517
Các khách hàng nước ngoài	2.416.932.480	4.890.485.421
<b>Cộng</b>	<b>71.464.571.216</b>	<b>5.533.629.938</b>

**22. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	2.648.739.952	(2.652.419.728)	(3.679.776)